

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**
**VIETNAM POWER DEVELOPMENT
JOINT STOCK COMPANY**

Số: 591/VNPD-VP.HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Respectfully to *The State Securities Commission*
 - Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
 Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Name : VIETNAM POWER DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: VPD

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Main office address : 2nd Floor - CT2 - 286 Nguyen Xien, Tan Trieu Commune, Thanh Tri District, Hanoi City

- Điện thoại/Tel: 024.22131580

- Fax: 024.35527987

2. Nội dung thông tin công bố:

Information disclosure content:

- Quyết định số 23/QĐ-HĐQT ngày 05/05/2025 về việc phê duyệt chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040;

Decision No.23/QĐ-HĐQT dated May 5, 2025 on approving the development strategy of Vietnam Power Development Joint Stock Company to 2030, with a vision to 2040;

- Quyết định số 24/QĐ-HĐQT ngày 05/05/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch Sản xuất kinh doanh - Đầu tư xây dựng năm 2025 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.

Decision No.24/QĐ-HĐQT dated May 5, 2025 on approving the 2025 Production, Business and Construction Investment Plan of Vietnam Power Development Joint Stock Company.


3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 05/5/2025 tại đường dẫn <http://www.vnpd.com.vn>.

This information was published on the Company's website on May 05, 2025 in the link <http://www.vnpd.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

We hereby certify that the information published above is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm: (1) Quyết định số 23/QĐ-HĐQT ngày 5/5/2025; (2) Quyết định số 24/QĐ-HĐQT ngày 05/05/2025.

Attached document: *Decision No.23/QĐ-HĐQT dated May 5, 2025; Decision No.24/QĐ-HĐQT dated May 5, 2025./* 

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.TH (để đăng Web Công ty, HOSE, UBCKNN;
- Lưu: VT, VP. HĐQT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

ORGANIZATION

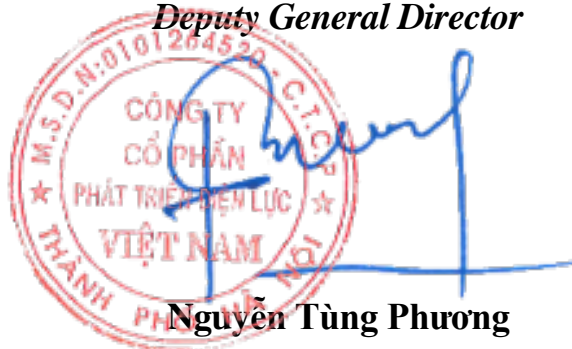
REPRESENTATIVE

Người UQ CBTT

*Authorized Person to disclose
information*

Phó Tổng giám đốc

Deputy General Director



Nguyễn Tùng Phương

Số: 23/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 1901/QĐ-HĐQT ngày 21/12/2023;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam ban hành theo Quyết định số 728/QĐ-HĐQT ngày 10/5/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCD ngày 25/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 (Chiến lược). Chi tiết như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Tổng giám đốc Công ty:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Chiến lược.
- Xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm phù hợp với Chiến lược.
- Lập kế hoạch xây dựng các giải pháp, đề án cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược và tổ chức thực hiện các giải pháp.
- Xây dựng và tổ chức quản lý, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Đạo

PHỤ LỤC I

Chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2040

1. Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp sản xuất điện năng bền vững với tổng quy mô công suất đến năm 2040 đạt 400MW và mở rộng quy mô đạt 1GW trong dài hạn. Tập trung đầu tư phát triển các loại hình nguồn thủy điện, năng lượng tái tạo gió, mặt trời, sinh khối tại Việt Nam và các quốc gia châu Á.

2. Sứ mệnh

Cung cấp nguồn năng lượng bền vững, an toàn, tin cậy và giá cả cạnh tranh, đồng thời mang lại giá trị gia tăng cho các cổ đông.

3. Quan điểm phát triển

3.1. Phát triển Công ty trên cơ sở quán triệt Công ty là Công ty đại chúng, phát triển bền vững. Công ty hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả tài chính làm tiêu chí đánh giá chủ yếu trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật; Đảm bảo công khai, minh bạch và trách nhiệm; Đảm bảo khai thác tối ưu các nguồn lực.

3.2. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu trên cơ sở hài hòa, hợp lý giữa đảm bảo tỷ lệ cổ tức hàng năm và đầu tư dự án mới để tăng trưởng nguồn sản xuất điện nhằm góp phần đảm bảo cung ứng điện để phát triển đất nước.

3.3. Đa dạng hóa các nguồn sản xuất điện (thủy điện, điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối) trong nước (chưa xem xét đầu tư ra nước ngoài) với cơ cấu, tỷ trọng đảm bảo sự phát triển bền vững.

3.4. Phát triển Công ty phải gắn liền với mục tiêu phát triển con người, xây dựng lực lượng lao động chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật lao động; Từng bước nâng cao đời sống và quyền lợi người lao động.

3.5. Nâng cao, tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong các dự án mới cũng như từng bước hiện đại hóa các nhà máy hiện hữu.

3.6. Xây dựng và thực thi văn hóa doanh nghiệp Công ty theo hướng chuyên nghiệp, năng động, có giá trị thương hiệu cao, là đối tác tin cậy.

3.7. Là một doanh nghiệp có tinh thần, trách nhiệm với xã hội, môi trường. Hằng năm Công ty xây dựng, tham gia các chương trình an sinh xã hội, bảo vệ môi trường.

4. Mục tiêu phát triển

4.1. Các mục tiêu về tài chính

- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty và vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác.
- Kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm có lãi.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu nhỏ hơn 3 lần.
- Tỷ lệ tái đầu tư tối thiểu 30%.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền dài hạn phục vụ các hoạt động của Công ty.

4.2. Các mục tiêu về quản lý vận hành nhà máy điện

- Hệ số khả dụng tối thiểu tổ máy hàng năm 95%.
- Suất sự cố do nguyên nhân chủ quan toàn Công ty 01 sự cố/năm.
- Vận hành hồ chứa tuân thủ theo quy trình vận hành liên hồ chứa, đảm bảo hiệu quả trong công tác phát điện và cấp nước cho các vùng hạ du.
- Tham gia thị trường điện có hiệu quả với giá bán điện bình quân thực hiện năm cao hơn giá bán điện theo hợp đồng mua bán điện.

4.3. Các mục tiêu trong lĩnh vực đầu tư

Từng bước đầu tư đa dạng hóa sở hữu các loại hình nguồn điện. Nghiên cứu đầu tư các dự án thủy điện (khu vực miền Bắc), điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối; Mua cổ phần/sát nhập doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh điện khác. Cụ thể:

- Giai đoạn 2026-2030: Tập trung nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đầu tư đưa vào khai thác, vận hành nhà máy điện mới với tổng công suất 30 MW-50MW; Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư dự án nhà máy điện mới với tổng công suất khoảng 100MW.
- Giai đoạn 2030-2040: Đưa vào khai thác, vận hành nhà máy điện mới với tổng công suất khoảng 150MW; Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư dự án nhà máy điện mới với tổng công suất khoảng 200MW. Mua cổ phần/sát nhập doanh nghiệp sản xuất kinh doanh điện khác để gia tăng công suất phát điện sở hữu khoảng 50MW-100 MW.

4.4. Mục tiêu khác

- Tham gia thị trường mua sắm tín chỉ carbon, chứng chỉ xanh.
- Xây dựng và thực thi văn hóa doanh nghiệp với nét văn hóa riêng.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng được các mục tiêu nêu trên.

5. Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu 2026-2030

Công ty dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030 như sau:

- Tổng sản lượng điện thương phẩm: 2.398,800 tr kWh.
- Tổng doanh thu: 2.749,303 tỷ đồng.
- Tổng giá trị đầu tư xây dựng: 1.705,323 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Đầu tư xây dựng các công trình, dự án: 1.635,323 tỷ đồng.
 - + Đầu tư phát triển phục vụ sản xuất vận hành các nhà máy hiện hữu và nghiên cứu đầu tư dự án mới: 70,000 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: 1.697,343 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận: 840,278 tỷ đồng.

Chi tiết Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030 xin xem tại Phụ lục II.

6. Các nhóm giải pháp chính

6.1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp lý

- Thường xuyên, liên tục cập nhật hệ thống QCQLNB của Công ty.
- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy chế quản lý nội bộ về phương án mua lại dự án, mua/sát nhập doanh nghiệp sản xuất kinh doanh điện.
- Hội đồng quản trị quy định/định mức về chi phí môi giới, hoa hồng trong các hoạt động của Công ty.

6.2. Giải pháp về tổ chức

- Về cơ cấu, sơ đồ tổ chức: Tiếp tục duy trì cơ cấu như hiện tại. Xem xét kiện toàn, điều chỉnh sơ đồ tổ chức phù hợp với từng thời điểm thực tế.
- Về phương thức quản lý, điều hành:

Đối với công tác sản xuất điện: Kiện toàn, tối ưu hóa các nhà máy sản xuất điện hoạt động theo mô hình phân xưởng. Công tác quản lý, điều hành sẽ tập trung tại văn phòng Công ty.

6.3. Giải pháp về đảm bảo tài chính

- Về vốn đối ứng (vốn tự có) tối thiểu 20% TMĐT của dự án: Sử dụng nguồn khấu hao cơ bản đã tích lũy, đồng thời bổ sung từ phân phối lợi nhuận thông qua việc trích tối đa quỹ ĐTPT (30%) từ lợi nhuận sau thuế phát sinh hàng năm.
- Tích cực làm việc với các tổ chức tín dụng để tìm kiếm, đàm phán nguồn vốn vay đáp ứng nhu cầu vốn còn lại (80% TMĐT) với mức chi phí lãi vay hợp lý, tối ưu.
- Thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy mô phát triển của Công ty trong từng thời điểm cụ thể.
- Tích cực tham gia thị trường điện nhằm tăng doanh thu bán điện so với doanh thu theo hợp đồng mua bán điện.
- Xây dựng định mức chi phí, thực hiện tốt kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chương trình tối ưu hóa chi phí.
- Thực hiện thanh xử lý VTTB tồn đọng, kém phẩm chất; thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm giá trị tồn kho nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

6.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Xây dựng đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Xây dựng hệ thống tiền lương hợp lý, công bằng, có tính cạnh tranh, trên cơ sở đánh giá đúng năng lực, trình độ và cống hiến của cán bộ.

6.5. Nâng cao năng lực đầu tư

- Xây dựng định hướng, cập nhật điều chỉnh thường xuyên đầu tư cụ thể cho từng giai đoạn, lĩnh vực ưu tiên và phù hợp với các tiêu chí về lợi nhuận, mức độ chấp nhận rủi ro.
- Chú trọng phát triển bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư để từng bước nâng

cao chất lượng nhân sự và tăng cường tính chuyên môn hóa cho hoạt động đầu tư.

- Mở rộng các kênh đầu tư khác có hiệu quả, phù hợp với quy định pháp luật, nguồn lực tài chính của Công ty từng thời kỳ.

6.6. Ứng dụng công nghệ để giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động

- Nghiên cứu áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng và độ tin cậy trong vận hành.

- Áp dụng các phần mềm quản lý nhân sự, quản lý vật tư, thiết bị để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý sản xuất và giảm thiểu nhân sự điều hành tại các Nhà máy.

- Nghiên cứu khả năng áp dụng mô hình quản lý, điều khiển vận hành các Nhà máy từ xa và áp dụng đồng bộ các phần mềm quản lý, điều hành sản xuất.

- Tăng cường tự động hóa các công tác trong vận hành.

PHỤ LỤC II
Kế hoạch 5 năm 2026-2030
PHẦN II: KẾ HOẠCH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. Căn cứ, cơ sở để xây dựng kế hoạch 5 năm 2026-2030

1. Căn cứ pháp lý để xây dựng kế hoạch 5 năm

- Các Hợp đồng mua bán điện: Nhà máy thủy điện Khe Bó số 06/2013/HĐ-NMĐ-VNPD ngày 20/6/2013 ký giữa Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (do EPTC làm đại diện); Nhà máy thủy điện Bắc Bình số 07/2012/HĐ-NMĐ-VNPD ngày 12/7/2012 ký giữa Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (VNPD) và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (do EPTC làm đại diện); Nhà máy thủy điện Nậm Má số 151/EVN NPC-B9 ngày 2/3/2015 ký giữa Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc;

- Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040;

2. Các điều kiện, giả thiết cơ sở để xây dựng kế hoạch 5 năm

- Dự báo tính toán thủy văn 5 năm 2026-2030 của 2 nhà máy: Bắc Bình, Khe Bó. Sản lượng điện sản xuất được xây dựng trên cơ sở các tần suất 50%, 65% và 90%. Sản lượng điện sản xuất dự kiến của các tổ máy thủy điện được lấy theo tần suất 65% trong các năm giai đoạn 2026-2030.

- Công ty dự kiến xây dựng các nhà máy mới:

+ Năm 2026 khởi công đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời nổi hồ thủy điện Bắc Bình dự kiến hoàn thành dự án cuối năm 2027 và phát điện thương mại đầu năm 2028.

+ Năm 2028 khởi công xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Má (xây dựng mới thay thế nhà máy hiện hữu) dự kiến hoàn thành cuối năm 2030.

+ Năm 2029 khởi công xây dựng dự án điện mới với công suất khoảng 100MW.

II. Mục tiêu tổng quát, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2026-2030

1. Thuận lợi và khó khăn thách thức

a. Thuận lợi

- Dự báo tăng trưởng điện năng ở mức cao, đảm bảo cung ứng điện phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

- Các nhà máy VNPD đưa vào khai thác vận hành từ nhiều năm trước (Bắc Bình năm 2009, Khe Bó năm 2013) nên cán bộ công nhân viên có nhiều kinh nghiệm trong công tác vận hành, sửa chữa. Do đó hạn chế được các sự cố, công tác chào giá điện thực hiện tương đối hiệu quả.

b. Khó khăn

- Là các nhà máy thủy điện nên sản lượng điện của Công ty phụ thuộc vào nhiều yếu tố thời tiết do tình hình khí hậu ngày càng cực đoan. Mặt khác nhà máy thủy điện Khe Bó và Bắc Bình đều là nhà máy bậc thang không có hồ chứa nên không chủ động được trong công tác điều tiết.

- Tỷ lệ tự động hóa công tác vận hành trong các nhà máy của VNPD còn thấp.
- Xu thế vận hành thị trường điện đang diễn tiến theo hướng giảm giá bán của các nhà máy điện.
- Công tác cấp phép đầu tư dự án điện mới hiện nay gặp nhiều khó khăn do phải thực hiện LCNĐT thông qua đấu thầu, số lượng dự án trong lĩnh vực thủy điện còn ít phải chịu sự cạnh tranh từ nhiều nhà đầu tư khác.
- Hệ thống thiết bị tại các nhà máy đã hoạt động lâu năm, bắt đầu bước vào chu kỳ hỏng hóc cần được thay thế.
- Mô hình quản trị tập trung của Công ty chưa hoàn toàn tối ưu, cần tiếp tục hoàn thiện hơn nữa.

2. Mục tiêu tổng quát

- Hoàn thành kế hoạch sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức năm được ĐHCĐ Công ty thông qua.
- Hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.
- Đảm bảo vận hành an toàn hồ chứa Khe Bó theo quy trình vận hành liên hồ chứa, đảm bảo hiệu quả trong công tác phát điện và cấp nước cho các vùng hạ du.
- Tham gia thị trường điện có hiệu quả với giá bán điện bình quân thực hiện năm cao hơn giá bán điện theo hợp đồng mua bán điện.
- Hoàn thành đầu tư đưa vào khai thác, vận hành nhà máy điện mới với tổng công suất khoảng 30MW-50MW; Nghiên cứu đầu tư dự án nhà máy điện mới với tổng công suất khoảng 100MW.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền dài hạn phục vụ các hoạt động của Công ty.

III. Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2026-2030

Trên cơ sở các căn cứ và mục tiêu tổng quát như trên, Công ty dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2026-2030 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	461,123	460,623	493,188	491,933	491,933
2	Đầu tư xây dựng	Tr. đồng	34.575,000	391.476,033	385.939,522	367.530,183	525.802,400
3	Doanh thu	Tr. đồng	516.105,315	515.387,258	574.030,752	571.890,312	571.890,312
4	Chi phí SXKD	Tr. đồng	319.479,979	316.213,059	360.964,621	352.068,355	348.617,937
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	157.042,191	159.081,281	170.194,827	175.599,488	178.359,822
6	Cổ tức	%	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Bộ chỉ tiêu về vận hành ổn định, tin cậy bao gồm:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1. Hệ số khả dụng	%	94,33	94,33	94,33	94,33	94,33
2. Tỷ lệ dừng máy do sự cố	%	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49
3. Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	5,18	5,18	5,18	5,18	5,18

- Bộ chỉ tiêu về hiệu quả vận hành gồm:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
Tỷ lệ điện tự dùng	%	0,74	0,74	0,74	0,74	0,74
Chi phí O&M/MW	Triệu VND	92.624,8	96.781,419	105.232,147	110.646,796	110.846,796

2. Kế hoạch Đầu tư xây dựng

- Năm 2026:

- + Khởi công dự án điện mặt trời nổi hồ thủy điện Bắc Bình.
- + Thực hiện tìm kiếm, nghiên cứu, đánh giá đầu tư dự án mới.

- Năm 2027:

- + Hoàn thành thi công nhà máy điện mặt trời và xây dựng hoàn thiện vào cuối năm chuẩn bị phát điện thương mại vào đầu năm 2028.
- + Thực hiện quyết toán các hạng mục và dự án thủy điện mới và điện mặt trời.
- + Chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Nậm Má mới.

- Năm 2028, 2029, 2030: thực hiện tìm kiếm, nghiên cứu, đánh giá, chuẩn bị đầu tư đầu tư dự án mới:

- + Hoàn thành đưa vào sử dụng nhà máy điện mặt trời vào năm 2028.
- + Hoàn thành thi công nhà máy Nậm Má vào cuối năm 2030 chuẩn bị phát điện thương mại vào đầu năm 2031.

- Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng: 2026-2030: 1.705.323,138 triệu đồng.

3. Kế hoạch tài chính

a) Các chỉ tiêu chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
Doanh thu	Tr. Đồng	516.105,315	515.387,258	574.030,752	571.890,312	571.890,312
Chi phí	Tr. Đồng	319.479,979	316.213,059	360.964,621	352.068,355	348.617,937

Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	157.042,191	159.081,281	170.194,827	175.599,488	178.359,822
Cổ tức	%	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00

Nhiệm vụ:

- Xác định nhu cầu vốn; tổ chức huy động các nguồn vốn để đáp ứng cho sản xuất kinh doanh và ĐTXD.

- Tổ chức sử dụng tốt các nguồn vốn hiện có, quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi đảm bảo khả năng thanh toán.

- Thực hiện tốt phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp.

- Đảm bảo kiểm tra, kiểm soát thường xuyên đối với tình hình hoạt động và thực hiện tốt hoạt động phân tích tài chính.

b) Công tác thu xếp vốn

Để mở rộng hoạt động SXKD, tăng quy mô hoạt động của Công ty, năm 2026 Công ty có kế hoạch thực hiện đầu tư xây dựng 01 dự án điện năng lượng mặt trời với TMĐT (trước thuế) dự kiến là 427 tỷ đồng, năm 2028 thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Má (xây dựng mới thay thế nhà máy hiện hữu) dự kiến TMĐT là 247 tỷ đồng, năm 2029 thực hiện đầu tư dự án nhà máy điện khác. Để thu xếp được số vốn đầu tư cho các dự án mới, từ năm 2026 đến năm 2030 Công ty cần phải đảm bảo số vốn như sau:

- Đảm bảo vốn đối ứng (vốn tự có) tối thiểu 20% TMĐT của các dự án. Phần vốn này Công ty sẽ cân đối và sử dụng từ nguồn lợi nhuận để lại và khấu hao cơ bản của Công ty.

- Đàm phán và ký kết để thực hiện vay của các tổ chức tín dụng với số vốn 80% TMĐT của các dự án.

4. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực

Để xây dựng và phát triển Công ty bền vững, Công ty tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho đội ngũ CBCNV từ Công ty đến các đơn vị. Số người được đào tạo hàng năm khoảng 70% - 80%. Cụ thể như sau:

Đơn vị: lượt người

TT	Nội dung	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Đào tạo dài hạn					
a	Trên Đại học	2	2	3	2	2
b	Đại học	4	4	5	5	5
c	LL CT trung, cao cấp					
2	Đào tạo ngắn hạn					
a	Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ	155	160	160	170	170

b	Đào tạo tin học	30	35	35	35	35
c	Đào tạo ngoại ngữ	20	20	20	20	20
3	Tham quan, học tập nước ngoài	20	20	20	20	20
4.	Đào tạo CNVH		2	5		

IV. Các giải pháp thực hiện kế hoạch 5 năm 2026-2030

1. Giải pháp trong sản xuất điện

- Phối hợp với Thủy điện Bản Vẽ, Đại Ninh trong công tác vận hành và chào giá điện nhằm khai thác lượng nước về đạt hiệu quả cao nhất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng, khắc phục các tồn tại kỹ thuật thiết bị, nâng cao tính sẵn sàng của các tổ máy phát điện, bảo đảm đáp ứng yêu cầu huy động của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

- Nâng cao chất lượng BDSC từ giai đoạn khảo sát, lập PAKT, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống nhằm rút ngắn tiến độ, giảm thời gian dừng máy BDSC theo kế hoạch.

- Rà soát, xây dựng, hiệu chỉnh ban hành lại các quy trình vận hành, quy trình BDSC trong các Nhà máy.

- Hoàn thiện xây dựng phương án bảo dưỡng sửa chữa theo RCM và hoàn thành công tác tích hợp số liệu các nhà máy vào phần mềm PMIS. Nâng cao chất lượng trong khảo sát và lập phương án SCBD.

- Lập và trình duyệt kế hoạch thực hiện tổng thể của từng công việc BDSC làm cơ sở kiểm điểm, đôn đốc thực hiện.

2. Giải pháp cho ĐTXD

- Thường xuyên cập nhật quy hoạch danh mục dự án nguồn điện.

- Phát triển bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư để từng bước nâng cao chất lượng nhân sự và tăng cường tính chuyên môn hóa cho hoạt động đầu tư.

- LCNT thiết kế, thi công đủ năng lực, kinh nghiệm, tài chính trong đó tập trung nâng cao chất lượng lập HSMT.

3. Giải pháp về đảm bảo tài chính

- Về vốn đối ứng (vốn tự có) tối thiểu 20% TMĐT của dự án: Sử dụng nguồn khấu hao cơ bản đã tích lũy, đồng thời bổ sung từ phân phối lợi nhuận thông qua việc trích tối đa quỹ ĐTPT (30%) từ lợi nhuận sau thuế phát sinh hàng năm.

- Tích cực làm việc với các tổ chức tín dụng để tìm kiếm, đàm phán nguồn vốn vay đáp ứng nhu cầu vốn còn lại (80% TMĐT) với mức chi phí lãi vay hợp lý, tối ưu.

- Thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy mô phát triển của Công ty trong từng thời điểm cụ thể.

- Tích cực tham gia thị trường điện nhằm tăng doanh thu bán điện so với doanh thu theo hợp đồng mua bán điện.

- Xây dựng định mức chi phí, thực hiện tốt kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí, chương trình tối ưu hóa chi phí.

- Thực hiện thanh xử lý VTTB tồn đọng, kém phẩm chất; thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm giá trị tồn kho nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

4. Ứng dụng công nghệ để giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động

- Hiệu chỉnh lại các quy trình bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị máy móc theo tài liệu hướng dẫn của từng Nhà sản xuất để đưa ra quy định phù hợp trong công tác SCL.

- Tổ chức công tác quản lý vật tư, trang thiết bị hợp lý đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất và thanh lý vật tư dư thừa để tối ưu hóa chi phí.

- Nghiên cứu áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng và độ tin cậy trong vận hành.

- Áp dụng các phần mềm quản lý nhân sự, quản lý vật tư, thiết bị để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý sản xuất và giảm thiểu nhân sự điều hành tại các Nhà máy.

- Đầu tư thiết bị công nghệ để áp dụng mô hình quản lý, điều khiển vận hành các Nhà máy từ xa và áp dụng đồng bộ các phần mềm quản lý, điều hành sản xuất.

- Tăng cường tự động hóa các công tác trong vận hành.

5. Giải pháp về hoàn thiện, đổi mới tổ chức quản lý

- Kiện toàn, tối ưu hóa các nhà máy sản xuất điện hoạt động theo mô hình phân xưởng. Công tác quản lý, điều hành sẽ tập trung tại văn phòng Công ty.

- Cải tiến phương pháp tổ chức thi kiểm tra (thi trên phần mềm online), phân loại lao động trực tiếp, gián tiếp nhằm phân loại lao động để có kế hoạch sử dụng, đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD.

- Tiếp tục đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn cho CBCNV trong từng năm, trong đó xem xét việc cử cán bộ có đủ trình độ tham gia các khóa đào tạo kỹ thuật, quản lý chuyên sâu tại TEPCO.

- Xây dựng hệ thống tiền lương hợp lý, công bằng, có tính cạnh tranh, trên cơ sở đánh giá đúng năng lực, trình độ và cống hiến của cán bộ.

6. Nâng cao hiệu quả quản lý

- Tiếp tục phân cấp quản lý của Công ty cho các nhà máy về công tác quản lý kế hoạch, kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

- Hoàn thành sửa đổi, bổ sung các Quy chế Quản lý nội bộ theo kế hoạch đã duyệt đồng thời hàng năm duy trì việc rà soát các Quy chế QLNB để sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

- Hoàn thành sửa đổi, bổ sung các Quy chế Quản lý nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành của Công ty.

Số: 24/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch Sản xuất kinh doanh - Đầu tư xây dựng năm 2025
của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 1901/QĐ-HĐQT ngày 21/12/2023 của HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam ban hành theo Quyết định số 728/QĐ-HĐQT ngày 10/5/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch Sản xuất kinh doanh - Đầu tư xây dựng năm 2025 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam. Chi tiết như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Tổng giám đốc Công ty giao Kế hoạch Sản xuất kinh doanh - Đầu tư xây dựng năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc và Văn phòng Công ty trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt tại Điều 1 theo quy định.

- Căn cứ tình hình khí tượng thủy văn đến ngày 30/09/2025, Tổng giám đốc trình HĐQT phê duyệt hiệu chỉnh kế hoạch năm 2025 trong tháng 10/2025 (nếu cần).

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, PKT, PKTKH, VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Đạo

PHỤ LỤC I
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

1. Sản lượng điện thương phẩm: 461,379 triệu kWh. Trong đó:

- Nhà máy Thủy điện Nậm Má: 13,500 triệu kWh
- Nhà máy Thủy điện Bắc Bình: 82,310 triệu kWh
- Nhà máy Thủy điện Khe Bô: 365,569 triệu kWh

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng: 90.794,527 triệu đồng

3. Kế hoạch doanh thu: 516.002,690 triệu đồng

4. Kế hoạch chi phí: 332.973,910 triệu đồng

5. Kế hoạch lợi nhuận sau thuế: 146.365,665 triệu đồng

6. Kế hoạch cổ tức: 14%

7. Kế hoạch Lao động -Tiền lương

a. Kế hoạch lao động: Tổng số: 137 người, trong đó:

- + Người quản lý : 16 người
- + Người lao động : 121 người

b. Kế hoạch tiền lương, thù lao:

- Người quản lý : 4.091,228 triệu đồng
- + Tiền lương, thù lao : 3.713,040 triệu đồng
- + An toàn điện HDQT chuyên trách : 378,188 triệu đồng
- Người lao động : 42.358,184 triệu đồng
- + Tiền lương : 37.763,694 triệu đồng
- + Chế độ an toàn điện : 4.594,490 triệu đồng

PHỤ LỤC II

MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2025

1. Mục tiêu

- Hoàn thành kế hoạch sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức năm được ĐHĐCĐ Công ty thông qua.
- Hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật như: Hệ số khả dụng, tỉ lệ ngừng máy sự cố và tỉ lệ ngừng máy bảo dưỡng, tỉ lệ điện dùng cho sản xuất điện. Đảm bảo các tổ máy vận hành ổn định.
- Vận hành tối ưu hồ chứa Khe Bó theo quy trình vận hành liên hồ chứa, đảm bảo hiệu quả trong công tác phát điện và cấp nước cho các vùng hạ du.
- Hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và cơ bản hoàn thành quyết toán giai đoạn 2 dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền.

2. Giải pháp

Công ty dự kiến thực hiện một số giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD - ĐTXD năm 2025 như sau:

a. Công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo và chăm lo đời sống của CBCNV

- Về công tác Tổ chức, nhân sự: Giữ nguyên mô hình tổ chức các phòng ban, các nhà máy như hiện tại; quản lý tập trung các công việc gián tiếp tại văn phòng Công ty; các Nhà máy chủ yếu thực hiện công việc vận hành sửa chữa. Công ty tiếp tục rà soát lại định biên lao động tại các đơn vị để điều chuyển, luân chuyển, bổ sung cho hợp lý; thực hiện đầy đủ các chính sách đãi ngộ đối với người lao động. Tổ chức triển khai thi giữ bậc, đánh giá chất lượng đối với lực lượng vận hành sửa chữa làm cơ sở rà soát, sắp xếp lại lao động, nâng bậc, trả lương tại các Nhà máy.

- Về đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV: Triển khai đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng công tác SXKD. Tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn và các khóa đào tạo do EVNGENCO1 tổ chức: Lao động tiền lương, đấu thầu, đấu thầu qua mạng, chuyển đổi số, Tiếng Anh, thị trường điện, ATLĐ, đào tạo giảng viên nội bộ, lớp quản lý cấp 3...

- Rà soát danh mục, lập kế hoạch và thực hiện sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các Quy chế Quản lý nội bộ cần sửa đổi, công bố các QC QLNB đang có hiệu lực và hết hiệu lực, tổ chức tập huấn các QC QLNB mới cho các CBCNV liên quan.

- Thực hiện 100% CBCNV sử dụng thành thạo Doffice, HRMS; 100% lãnh đạo

từ phó phòng, Phó Quản đốc trở lên sử dụng ký số, toàn bộ 3 nhà máy sử dụng tốt phần mềm PMIS để quản lý thiết bị, sửa chữa bảo dưỡng nhà máy.

- Thực hiện đi vào nề nếp văn hóa doanh nghiệp của EVN, EVNGENCO1, Công ty, thực hiện 5s.

- Thực hiện và phát động các phong trào thi đua do EVN, EVNGENCO1 và Công ty tổ chức. Tiếp tục thực hiện các đề tài khoa học đã đăng ký, thực hiện nghiêm công tác vệ sinh, an toàn lao động, PCCC.

- Quan tâm, xây dựng đời sống tinh thần cho người lao động: Trang bị đầy đủ thiết bị cho các phòng thể thao tại các nhà máy; xây dựng sân bóng đá mini, sân cầu lông tại Khe Bô và Bắc Bình; tham gia đầy đủ các hội diễn văn nghệ, thể thao do EVN và Genco1 tổ chức; tổ chức thi đấu thể thao, giao lưu văn hóa, văn nghệ với các đơn vị khác tại các địa phương nơi có nhà máy; tổ chức các sự kiện nhân ngày 8/3, 20/10, ngày quốc tế thiếu nhi 1/6...

b. Công tác SCBD

- Nâng cao chất lượng BDSC từ giai đoạn khảo sát, lập PAKT, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống nhằm rút ngắn tiến độ, giảm thời gian dừng máy BDSC theo kế hoạch.

- Đào tạo vận hành, bồi dưỡng, tập huấn các phương án ứng phó sự cố để không xảy ra sự cố do các nguyên nhân chủ quan và giảm thiểu tỷ lệ dừng máy do sự cố do nguyên nhân khách quan tại các nhà máy.

- Rà soát, xây dựng, hiệu chỉnh ban hành lại các quy trình vận hành, quy trình BDSC trong các Nhà máy.

- Hoàn thiện xây dựng phương án bảo dưỡng sửa chữa theo RCM và hoàn thành công tác tích hợp số liệu các nhà máy vào phần mềm PMIS. Nâng cao chất lượng trong khảo sát và lập phương án SCBD.

- Đảm bảo hệ số khả dụng các tổ máy của các Nhà máy trực thuộc Công ty.

- Lập và trình duyệt kế hoạch thực hiện tổng thể của từng công việc BDSC làm cơ sở kiểm điểm, đôn đốc thực hiện.

c. Công tác thị trường điện

- Tổ chức làm việc với NSMO, EPTC về sản lượng điện hợp đồng của các nhà máy trên cơ sở phù hợp với dự báo tình hình thủy văn.

- Liên hệ chặt chẽ, liên tục với các nhà máy bậc thang trên (Đại Ninh, Bản Vẽ và các nhà máy thủy điện nhỏ khác) để có phương án chào giá tốt nhất cho các nhà máy.

- Phối hợp NSMO thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, bảo đảm sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du.

d. Công tác ĐTXD

- Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó:

+ Bám sát, đôn đốc UBND tỉnh Nghệ An cho giải pháp phê duyệt điều chỉnh dự án tổng thể hợp phần bồi thường, GPMB, di dân tái định cư công trình thủy điện Khe Bó để có cơ sở triển khai thực hiện các tồn tại vướng mắc còn lại của dự án.

+ Lập và ký kết với UBND huyện Tương Dương, Hội đồng BTGPMB kế hoạch thực hiện các công việc vướng mắc, tồn tại còn lại của dự án kèm theo tiến độ chi tiết, trách nhiệm của mỗi bên.

- Lập và trình duyệt kế hoạch thực hiện tổng thể của từng dự án ĐTXD làm cơ sở kiểm điểm, đôn đốc các bên liên quan thực hiện đảm bảo tiến độ.
